

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công chứng, chứng thực, quản tài viên và hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Dịch vụ công quốc gia; số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-VPCP ngày 31/3/2023 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp số: 160/QĐ-BTP, 161/QĐ-BTP, 162/QĐ-BTP, 163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực công chứng, chứng thực, quản tài viên và hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 306/TTr-STP ngày 21/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 43 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công chứng, chứng thực, quản tài viên và hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này (nếu có sự thay đổi) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan công khai thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính lĩnh vực công chứng, chứng thực, quản tài viên và hộ tịch được công bố tại các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: số 2129/QĐ-UBND ngày 02/8/2021; số 2600/QĐ-UBND ngày 01/7/2025; số 2041/QĐ-UBND ngày 25/6/2025; 4517/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; 93/QĐ-UBND ngày 10/01/2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC-BTP;
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TT PVHCC TP, Nội chính, Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, P.T.Dương

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG,
CHỨNG THỰC, QUẢN TÀI VIÊN VÀ HỘ TỊCH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (07 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (02 TTHC)									
1.	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	3.500.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 1.750.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).	x		- Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.

2.	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	<p>- Đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng do Văn phòng công chứng thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, Trưởng Văn phòng công chứng thì được Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động, mức phí: 500.000đ;</p> <p>- Đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động khác thì Sở Tư pháp ghi nhận nội dung thay đổi vào</p>	x		<p>- Luật Công chứng số 46/2024/QH15;</p> <p>- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025;</p> <p>- Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC.</p>
----	----------	--	------------------	-------------------	--	--	---	--	--

						giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng, mức phí: 0đ.			
II. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN (05 TTHC)									
3.	2.001130	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	10 ngày	5 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	Phí: 800.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ.	x		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.
4.	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối	10 ngày	5 ngày	Trung tâm Phục	Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	x		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014;

		với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán			vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	(áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ.			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.
5.	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	Phí: 800.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026	x		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016;

						theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ.			- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.
6.	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 250.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).	x		- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.
7.	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	Trung tâm Phục	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ	x		- Luật Phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014;

		sản đổi với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản			vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	(áp dụng mức phí 250.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).			<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015;- Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025;- Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016;- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.
--	--	--	--	--	---------------------------------------	--	--	--	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (33 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
LĨNH VỰC HỘ TỊCH									
1.	1.001193	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- Miễn phí (ĐKKs đúng hạn). - Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	x		- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;

						- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.			<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
2.	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật);	x		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025;

				việc tiếp theo		- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025;- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024;- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018;- Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023;- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
--	--	--	--	----------------	--	------------------------------------	--	--	---

3.	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025;
4.	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022

									<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
5.	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 04 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - 10.000 đồng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng. 	x		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;

6.	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.	x		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021. - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
----	----------	--	------------------	-------------------	--	---	---	--	---

7.	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn phí (ĐKKKS đúng hạn). - 8.000 đồng (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân). - 10.000 đồng (đăng ký nhận cha, mẹ, con) - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	x		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;
----	----------	---	--	--	--	--	---	--	--

						- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.			- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
8.	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng. - Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
9.	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công	x		- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;

			thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	tỉnh và cấp xã	với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025;
10.	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021;

									<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
11.	1.000894	Đăng ký kết hôn	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	Miễn lệ phí		x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;

			giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 2,5 ngày làm việc.					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;
12.	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày)	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		x	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
13.	1.004746	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì	2.5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	- 30.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia		x	

			thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày	tỉnh và cấp xã	đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
14.	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		x	
15.	1.000656	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	- 8.000 đồng/lần (khai tử quá hạn). - Miễn lệ phí đối với	x		- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;

			quả trong ngày làm việc tiếp theo	15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	tỉnh và cấp xã	trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;
16.	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021;

				quá 1.5 ngày làm việc					- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
17.	1.005461	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	2.5 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		
18.	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật);	x		

			10 ngày làm việc	quá 5 ngày làm việc		- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
19.	1.004837	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	1.5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	Miễn lệ phí	x		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;
20.	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	2.5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ, 1.5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng 	x		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;
21.	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	1 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành	Miễn lệ phí	x		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;

					chính công cấp tỉnh và cấp xã				<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025;
22.	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	1 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng 	x		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
23.	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày làm việc)	1.5 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 2.5 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	Không quy định	x		

24.	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày)	1.5 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 2.5 ngày)	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	Không quy định	x		
25.	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026;

			<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> ngày làm việc tiếp theo - 1.5 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc 					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
26.	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc đối với việc bổ 	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	- 28.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công	x		

			<p>tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 03 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 06 ngày làm việc.</p>	<p>sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- 1,5 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 3 ngày làm việc.</p>	<p>tỉnh và cấp xã</p>	<p>với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật);</p> <p>- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng</p>			
27.	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh	Trung tâm Phục vụ hành chính	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia	x		

		thẩm quyền của nước ngoài	thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc)	thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc)	công cấp tỉnh và cấp xã	đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
28.	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành	x		- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;

						chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
29.	2.000547	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trong trường hợp phải xác minh thì</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	<p>- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</p> <p>Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng</p>	x		

				thời hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc					
30.	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	<p>Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng</p> <p>(Miễn lệ phí với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)</p>	x		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024;

									<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
31.	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Miễn lệ phí		x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025;

								<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
32.	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Đăng ký khai tử quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025;

						nghèo; người khuyết tật)			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
33.	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì	Trung tâm Phục vụ hành chính	5.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia	x		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;

			giải quyết không quá 23 ngày.	thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	công cấp xã	đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021;
--	--	--	-------------------------------	---------------------------------------	-------------	--	--	--	---

									<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG (03 TT/C)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	

I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (01 TT/C)

1.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ thì trả kết quả làm việc tiếp theo.	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	Không quy định	x		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/03/2020; - Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP.
----	----------	-------------------------------	---	--	--	----------------	---	--	--

				việc tiếp theo.					
II. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (02 TTHC)									
2.	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	8.000 đồng/bản	x		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024;

									<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; - Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
3.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc . (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)	1.5 ngày làm việc . (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã	8.000 đồng/bản (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; 	

						dịch vụ công trực tuyến			<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021;- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018;- Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023;- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
--	--	--	--	--	--	----------------------------	--	--	---